

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HS-ST

Ngày: 30 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Hạnh

Ông Trương Văn Ánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Nguyễn Tấn L, sinh ngày 01/01/1963; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh P (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); vợ: Nguyễn Thị L1 và con có tất cả 03 người (nhỏ sinh năm 1985, lớn sinh năm 1979); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 02/5/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Nguyễn Thanh S, sinh ngày 01/01/1978; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái H (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); vợ: Nguyễn Thị H1 và con có tất cả 02 người (nhỏ sinh năm 2015, lớn sinh năm 2006); tiền án: không; tiền sự: 01 lần (Ngày 15/5/2023 bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” với số tiền 1.500.000 đồng). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 23/5/2024 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Nguyễn Thanh G, sinh ngày 15/3/1976; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Hữu P1 (chết) và bà Thái Thị N; chồng: Nguyễn Hoàng S1 và con có tất cả 03 người (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 18/6/2024 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ tư: Ngô Thị C, sinh ngày 01/01/1966; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hồng D (chết) và bà Nguyễn Thị N1 (chết); chồng: Lê Văn X; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 08/5/2024 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ năm: Nguyễn Thu S2, sinh ngày 01/01/1976; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ú (chết) và bà Kim Thị Ú1; chồng: Huỳnh Thanh T1 và con có tất cả 02 người (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 18/6/2024 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 01/4/2024 Nguyễn Thanh S cùng với Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2 đến quán nước của Nguyễn Tấn L ở tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để uống nước rồi rủ nhau vào nhà sau của L để chơi đánh bài binh ăn thua bằng tiền. L lấy tiền xâu của người làm cái (từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng) thì tất cả đồng ý.

Lúc này, L lấy ra 01 cái ghế bàn nhựa, 06 cái ghế ngồi nhựa màu đỏ và 01 bộ bài tây 52 lá để L cùng S, G, C, S2 đánh bài ăn thua bằng tiền và L cũng lấy tiền xâu.

Hình thức đánh bài thỏa thuận là: Dùng bộ bài tây 52 lá chơi bài binh ăn độ gồm 05 tụ, mỗi tụ được chia 6 lá bài, (trong đó có 01 người làm nhà cái, chia bài để ăn thua với các tụ đặt tiền). Những người ngồi chơi đánh bài thay phiên nhau để làm cái xoay vòng trong 03 bàn, khi tới lượt mình làm cái mà không làm thì phải chuyển cho người kế bên làm cái tiếp.

Sòng bài kéo dài đến khoảng 15 giờ 50 phút ngày 01/4/2024, L lấy tiền xâu được 280.000 đồng để trong ca nhựa thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái ghế bàn nhựa, 06 cái ghế ngồi nhựa, số tiền 3.330.000 đồng và 01 cái ca nhựa màu trắng bên trong có số tiền 280.000 đồng cùng nhiều vật chứng khác liên quan đến vụ án.

Qua làm việc xác định được số tiền tham gia đánh bạc của các bị can là 5.950.000 đồng (gồm: 3.330.000 đồng thu tại chiếu bạc, 720.000 đồng thu của S, 100.000 đồng thu của G, 500.000 đồng thu của C, 1.300.000 đồng thu của S2, tất cả đều cất giấu trong người dùng để đánh bạc).

Qua điều tra thì L, S, G, C, S2 đều thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bài ăn thua bằng tiền tại nhà của L và L lấy tiền xâu được 280.000 đồng thì bị lược lượng Công an đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang. (BL: 73, 74, 138-227).

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 18/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2 về tội “Đánh bạc” và ra Lệnh bắt tạm giam để điều tra đến nay.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã giải quyết được như sau:

- Đối với số tiền 720.000 đồng thu của S dùng để đánh bạc; 100.000 đồng thu của G dùng đánh bạc; 8.500.000 đồng thu của C dùng 500.000 đồng đánh bạc, còn 8.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc; 6.715.000 đồng thu của S2 đã dùng 1.300.000 đồng đánh bạc, còn 5.415.000 đồng không sử dụng đánh bạc.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đỏ, 01 xe mô tô biển số 83S2-6462 thu của G; 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím thu của C là tài sản riêng không liên quan đến việc đánh bạc.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 xe mô tô biển số 64K1-300.83 thu của Nguyễn Hoàng S1; số tiền 750.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu của Nguyễn Thị Tuyết L2 thì qua làm việc S1 và L2 không tham gia đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản xong.

- Đối với số tiền 140.000 đồng mà L lấy tiền xâu từ những ngày trước khi bị phát hiện là tiền thu lợi bất chính.

- L có hành vi dùng nhà của mình để chứa bạc, lấy tiền xâu được 280.000 đồng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Gá bạc”. Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với L về hành vi “Sử dụng nhà chứa chấp việc đánh bạc để thu lợi” với số tiền 7.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKSBT ngày 18/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị can Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2 tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2 phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, 36, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo S2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt bổ sung bị cáo S từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

Phạt bổ sung bị cáo C từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

Bị cáo S2 và G có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn; bị cáo L là người cao tuổi nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo L, S, G, C, S2.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái ghế bàn nhựa màu xám đen, 06 cái ghế ngồi nhựa màu đỏ, 01 cái ca nhựa màu trắng.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- Số tiền 3.330.000 đồng thu tại chiếu bạc và 280.000 đồng tiền xấu.
- Số tiền 720.000 đồng của bị cáo S, 100.000 đồng của bị cáo G, 500.000 đồng của bị cáo C, 1.300.000 đồng của bị cáo S2.

- Số tiền 140.000 đồng mà bị cáo L lấy tiền xấu từ những ngày trước.

Đề nghị trả lại cho:

- Bị cáo C số tiền 8.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím.

- Bị cáo S2 số tiền 5.415.000 đồng.

- Bị cáo G 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đỏ, 01 xe mô tô biển số 83S2-6462.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo S, G, C, S2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Miễn án phí cho bị cáo L vì là người cao tuổi.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Các bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy

tổ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 15 giờ 50 phút, ngày 01/4/2024, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân là tại nhà của bị cáo L ở tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long có nhiều người tụ tập đánh bài ăn thua bằng tiền. Lực lượng Công an huyện B kết hợp với Công an xã T đến kiểm tra thì phát hiện: bị cáo L cùng bị cáo S, bị cáo S2, bị cáo G, bị cáo C đang đánh bài ăn thua bằng tiền. Tang vật thu giữ: 01 bộ bài tây 52 lá, số tiền tại chiếu bạc là: 3.330.000 đồng, 01 can nhựa bên trong có số tiền 280.000 đồng (tiền xâu của bị cáo L) và nhiều vật chứng có liên quan.

Số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 5.950.000 đồng (gồm: 3.330.000 đồng thu tại chiếu bạc, 720.000 đồng thu của bị cáo S, 100.000 đồng thu của bị cáo G, 500.000 đồng thu của bị cáo C, 1.300.000 đồng thu của bị cáo S2 tất cả đều cất giấu trong người dùng để đánh bạc).

Hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong bản cáo trạng số 38/CT-VKSBT ngày 18/6/2024 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất của vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến lợi ích công cộng trật tự xã hội là khách thể được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bài ăn thua bằng tiền là tệ nạn xã hội bị nhà nước nghiêm cấm nhưng vì động cơ háms lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, cần có mức án tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe giáo dục, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

Xét trong vụ án các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nhưng có mức độ đơn giản, không có sự phân công bàn bạc cụ thể. Xét bị cáo L vừa tham gia đánh bài vừa lấy tiền xâu của các bị cáo nên mức hình phạt của bị cáo là cao hơn so với các bị cáo khác. Xét bị cáo S có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc bị Công an huyện B xử phạt

hành chính với số tiền 1.500.000 đồng vào ngày 15/5/2023 nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục vi phạm pháp luật. Do đó, hình phạt của bị cáo là cao hơn so với các bị cáo G, C, S2.

Các bị cáo L, S, G, C, S2 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà giao về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội trong trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng khi lượng hình cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo G, S2 có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và bị cáo L là người cao tuổi nên cần miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo S số tiền 20 triệu đồng.

Phạt bổ sung bị cáo C số tiền 15 triệu đồng.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái ghế bàn nhựa màu xám đen, 06 cái ghế ngồi nhựa màu đỏ, 01 cái ca nhựa màu trắng cần tịch thu tiêu hủy vì tất cả dùng để sử dụng vào việc đánh bạc.

- Đối với số tiền 3.330.000 đồng thu tại chiếu bạc; số tiền 280.000 đồng tiền xu của bị cáo L; số tiền 720.000 đồng của bị cáo S; 100.000 đồng của bị cáo G; 500.000 đồng của bị cáo C; 1.300.000 đồng của bị cáo S2; số tiền 140.000 đồng của bị cáo L lấy tiền xu từ những ngày trước khi bị phát hiện cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vì tất cả liên quan đến việc đánh bạc.

- Đối với số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo C; số tiền 5.415.000 đồng của bị cáo S2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đỏ, 01 xe mô tô biển số 83S2-6462 của bị cáo G; 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím của bị cáo C thì cần trả lại cho các bị cáo vì tất cả là tài sản riêng không liên quan đến việc đánh bạc.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo S, G, C, S2 phải chịu án phí theo quy định. Miễn án phí cho bị cáo L vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 36, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 02/5/2024 là 11 (mười một) ngày = 33 (ba mươi ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bị cáo Nguyễn Tấn L còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 36, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 23/5/2024 là 32 (ba mươi hai) ngày = 96 (chín mươi sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bị cáo Nguyễn Thanh S còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1.3 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 36, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh G 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 18/6/2024 là 58 (năm mươi tám) ngày = 174 (một trăm bảy mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bị cáo Nguyễn Thanh G còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1.4 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 36, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Thị C 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 08/5/2024 là 17 (mười bảy) ngày = 51 (năm mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bị cáo Ngô Thị C còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 10 (mười) tháng 09 (chín) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1.5 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 36, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu S2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 18/6/2024 là 58 (năm mươi tám) ngày = 174 (một trăm bảy mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bị cáo Nguyễn Thu S2 còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1.6 Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh S số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Phạt bổ sung bị cáo Ngô Thị C số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thu S2.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái ghế bàn nhựa màu xám đen, 06 cái ghế ngồi nhựa màu đỏ, 01 cái ca nhựa màu trắng. Tất cả qua sử dụng.

- Buộc bị cáo L nộp số tiền 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi ngàn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 3.330.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) thu tại chiếu bạc; số tiền 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi ngàn đồng) tiền xâu của bị cáo L.

+ Số tiền 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi ngàn đồng) của bị cáo S, 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) của bị cáo G, 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) của bị cáo C, 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng) của bị cáo S2.

- Trả lại cho:

+ Bị cáo C số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím đã qua sử dụng.

+ Bị cáo S2 5.415.000 đồng (Năm triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

+ Bị cáo G 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đỏ, 01 (một) xe mô tô biển số 83S2-6462. Tất cả qua sử dụng.

(Tiền, vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân đang tạm giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/6/2024 và Biên lai thu tiền số N⁰0006222 ngày 19/6/2024).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh G, Ngô Thị C, Nguyễn Thu S2 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Tấn L.

4. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- CA H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Thành Lợi
- UBND xã Thành Trung
- Các bị cáo
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thanh Hùng